HỌC PHẦN: CƠ SỞ ĐỊA LÍ NHÂN VĂN

GVHD : Trương Văn Cảnh

NHÓM TH : Vi Văn Hình, Cao Thị Hoàng Phụng

BÁO CÁO: BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC THÁI

I. MỞ ĐẦU

Dân tộc Thái là một trong 54 dân tộc có mặt, sinh sống trên đất nước Việt Nam từ hơn 1000 năm trước trong các cuộc thiên di trong lịch sử. Dân tộc Thái ở Việt Nam có số dân đứng thứ 3 cả nước sau người Kinh và người Tày với số dân hơn 1,3 triệu người, chủ yếu sống ở vùng núi phía Tây Bắc và các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An… trải qua hàng trăm năm sinh sống và lao động sản xuất, người dân tộc Thái đã tạo dựng nên được những nét văn hóa độc đáo và đặc sắc cho dân tộc và vùng miền, với những nét đặc sắc về bản sắc văn hóa kiến trúc nhà ở, trang phục thổ cẩm, văn hóa ẩm thực, phong tục tập quán riêng biệt, ngôn ngữ chữ viết và truyền thống lao động sản xuất vật chất tất cả đã làm nên một nền văn hóa cho dân tộc Việt Nam thêm phong phú và đa dạng.

II. KHÁI QUÁT CHUNG

1. **Nguồn gốc:**

Người Thái có tên tự gọi là Tay hoặc Thay. Có cội nguồn ở vùng Đông Nam Á lục địa, xuất xứ từ phía Nam Trung Quốc có cùng nguồn gốc với người dân tộc ít người bây giờ như Chong, Tày, Nùng. Người Thái di cư đến Việt Nam trong khoảng từ thế kỷ thứ VII tới thế kỷ XIII. Trung tâm của họ khi đó là Điện Biên Phủ (Mường Thanh) từ đây họ tỏa đi sang Lào, Thái Lan, Bang Shan ở Miến Điện và một số vùng ở Đông Bắc Ấn Độ cũng như Nam Vân Nam.

2. **Dân cư:**

a. Dân số

Tại Việt Nam, theo Tổng điều tra dân số năm 1999, người Thái có số dân 1.328.725 người, chiếm 1,74 % dân số cả nước.

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, người Thái ở Việt Nam có dân số 1.550.423 người, là dân tộc có dân số đứng thứ 3 tại Việt Nam, có mặt trên tất cả 63 tỉnh thành phố.

b. Phân bố:

Đồng bào cư trú ở miền Tây và Tây Bắc Việt Nam bao gồm phần đất thuộc các tỉnh Nghệ An (295.132 người, chiếm 10,1% dân số toàn tỉnh và 19,0% tổng số người Thái tại Việt Nam), Thanh Hóa (225.336 người, chiếm 6,6% dân số toàn tỉnh và 14,5% tổng số người Thái tại Việt Nam), Điện Biên (186.270 người, chiếm 38,0% dân số toàn tỉnh và 12,0% tổng số người Thái tại Việt Nam), Hòa Bình (31.386 người), Yên Bái, Hầu khắp các tỉnh Sơn La (572.441 người, chiếm 53,2% dân số toàn tỉnh và 36,9% tổng số người Thái tại Việt Nam), Lai Châu (119.805 người, chiếm 32,3% dân số toàn tỉnh và 7,7% tổng số người Thái tại Việt Nam) và một số ít ở khu vực Tây Nguyên như Đắk Nông, Đắk Lắk, Lâm Đồng.

c. Thành phần:

Cộng đồng tộc người Thái ở nước ta có 2 ngành: Thái đen và Thái trắng và 5 nhóm địa phương

Nhóm 1: Thái đen 1, cư trú ở các huyện thuộc tỉnh Sơn La, Lai Châu, Văn Trấn, thị xa Nghĩa Lộ(Yên Bái), Than Uyên (Lào Cai).

Nhóm 2: Thái đen 2, cư trú ở huyện Yên Châu (Sơn La).

Nhóm 3: Thái trắng 1, cư trú ở các huyện như Mường La, Quỳnh Nhai (Sơn La), Mường Lay, Mường Tè, Phong Thổ (Lai Châu).

Nhóm 4: Gồm 3 bộ phận Thái hợp thành: Thái Trắng 2 (các huyện của tỉnh Sơn La, Hòa Bình), Thái đen 3 (Tày Thanh, các huyện miền tây Nghệ An, Thanh Hóa), Thái đen 4 (Tương Dương-N.A).

Nhóm 5: Gồm 2 bộ phận Thái hợp thành là Thái Trắng 3 và Thái trắng 4.
Ngoài ra một số tài liệu còn cho rằng có nhóm Thái đỏ gồm nhiều nhóm khác nhau cư trú tại Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu (Hòa Bình), Bá Thước (Thanh Hóa), Qùy Châu, Qùy Hợp, Con Cuông, Tương Dương (Nghệ An).

3. **Ngôn Ngữ - Chữ viết**

❖ ***Ngôn ngữ***: Người Thái nói các thứ tiếng thuộc hệ ngôn ngữ Thái-Ka đai, trong nhóm này có tiếng Thái của người Thái (Thái Lan), tiếng Lào của người Lào, tiếng Shan ở Myanma và tiếng Choang ở miền Nam Trung Quốc. Tại Việt Nam, có 8 sắc tộc ít người gồm Bố Y, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Sán Chay, Tày, Thái được xếp vào nhóm ngôn ngữ Thái.

❖ ***Chữ viết***: Người Thái là một trong số rất ít các dân tộc thiểu số ở nước ta có chữ viết, có nguồn gốc từ vùng miền Nam Trung Quốc ngày nay và nhiều nhà ngôn ngữ học đã đưa ra những bằng chứng về mối liên hệ với các hệ ngôn ngữ Nam Á, Nam Đảo, hoặc Hán Tạng. Đây là một hệ thống mẫu tự theo hệ Sanscit. Sự phối hợp thanh điệu, quy tắc chính tả phức tạp, các chữ viết gần giống với chữ Lào, Thái Lan nhưng ngày nay đã bị mai một. Tuy chưa xác định được cụ thể thời điểm xuất hiện nhưng hàng ngàn năm nay Ngôn ngữ và Bộ chữ viết đã được người Thái ở Việt Nam, cũng như cộng đồng người Thái sống ở nước ngoài sử dụng, giữ gìn và bảo tồn. Bộ chữ Thái là một công cụ để ghi nhận và phản ánh đầy đủ, phong phú và tế nhị tư tưởng, tình cảm và tâm hồn trong sáng lành mạnh của dân tộc Thái. Thể hiện trong văn hoá nghệ thuật thơ, ca, tục ngữ, truyện, các phong tục tập quán.

III. BẢN SẮC VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC

1. **Phong tục – tập quán.**

a. **Cưới hỏi**: Gia đình người Thái theo gia đình phụ hệ, nhưng trước kia người Thái có tục ở rể nên lấy vợ lấy chồng phải qua nhiều bước,trong đó có 2 bước cơ bản:

Cưới lên *(đong hươn):* đưa rể đến cư trú nhà vợ là bước thử thách phẩm giá, lao động của chàng rể. người Thái đen có tục búi tóc ngược lên đỉnh đầu (tẳng cau) cho người vợ sau lễ cưới này. Tục ở rể từ 8 đến 12 năm, sau đó thời gian ít dần còn vài ba năm khi đó đôi vợ chồng đã có con mới về ở bên nhà chồng, bây giờ vẫn còn giữ tục lệ nhưng khá ít, chỉ khi trường hợp gia đình bên gái khó khăn thì sẽ ở rể, quá trình sau này gọi là cưới xuống

Cưới xuống *(đong lông)* đưa gia đình trở về với họ cha

Ngoài cưới hỏi theo truyền thống thì người Thái còn có tục "Trộm vợ", khi đôi trai gái yêu nhau, muốn lấy nhau nhưng điều kiện không cho phép thì người con trai sẽ trộm cô gái về để tránh khỏi nhiều hủ tục rườm rà, tốn kém khi hỏi cưới. (chàng trai đến nhà cô gái trộm về trong đêm và đặt một chai rượu, trầu cau lại nhà cô gái để sáng ra bố mẹ biết là con gái đã bị trộm vợ, nhà trai sẽ đem lễ vật đến chịu thú và xin cưới ngay. Ngày nay một số người lợi dụng phong tục này để "bắt vợ" mặc dù không yêu nhau, làm biến tướng và mất đi cái hay của bản sắc dân tộc và phải chịu sự trừng phạt của pháp luật nhà nước).

b. **Ma chay**:

Đối với người chết, người Thái quan niệm chết là tiếp tục "sống" ở thế giới bên kia vì vậy đám ma là lễ tiễn người chết về với "mường trời". Đám tang thường có nhiều lần cúng viếng để linh hồn được lên với mường trời.

Lễ tang có 2 bước cơ bản:

Pông: Phúng viếng tiễn đưa hồn người chết lên cõi hư vô, đưa thi thể ra rừng chôn (Thái trắng), thiêu (Thái đen).

Xống: đưu đồ tang lễ ra bãi tha ma và kết thúc bằng lễ gọi ma trở về ngụ tại gian thờ cúng tổ tiên ở trong nhà.

2. **Lễ hội.**

Người Thái có quan niệm đa thần và giữ tục cúng tổ tiên. Do đời sống gắn liền với sản xuất nông nghiệp nên có tục lấy nước đêm Giao Thừa, lễ hội đón tiếng sấm năm mới và một số lễ hội cầu mùa khác, các lễ hội xăng khan, xến bản, xến mường, lễ hội hạn khuống, lễ hội mừng lúa mới là những lễ hội đặc trưng của dân tộc.

Người Thái đón tết Nguyên Đán rất cầu kỳ và chu đáo, mọi sự chuẩn bị cho ngày tết được bắt đầu từ nửa tháng trước đó, sau đó là các giai đoạn 23 tháng chạp đón tết ông công ông táo như người Việt, 28 rửa lá rong, 28 gói bánh chưng, 29 nấu bánh chưng, 30 tết đón giao thừa cúng tổ tiên mừng năm mới và đi lấy nước lộc đầu năm. Sang mồng một tết thờ cúng tổ tiên, cúng thần đất, thần núi, thần nước, thần bếp xong xuôi tất cả thì chọn người xông đất như người Việt. Ngày Tết đến ngày thứ 7 thì làm lễ khai hạ, lúc đó mọi người mới đi ra đồng làm việc, khoảng thời gian này cũng có rất nhiều hoạt động vui chơi như ném còn, nhảy sạp, hội thi bắn nỏ, chơi quay và *mạc lẹ*, vũ hội rượu cần với các điệu xòe, điệu múa lăm vông quanh chum rượu cần.

3. **Ẩm thực**

Dân tộc Thái ưa cái hương vị đậm đà, giàu chất dinh dưỡng là món nướng. Món thịt trâu hoặc bò, cá, gà nướng được người Thái tẩm, ướp gia vị rất cầu kỳ. Gia vị để ướp là tiêu rừng hay còn gọi là "mắc khén", ớt, tỏi, gừng, muối... Trước khi đem ướp với thịt, các gia vị cũng được nướng lên cho chín, hương thơm.

Có những món ăn đặc trưng như Cơm lam, Canh ột, Canh bồi,… Xôi nếp là món ăn truyền thống của dân tộc Thái. Người Thái có phương pháp xôi cách thuỷ bằng chõ gỗ rất kỹ thuật. Xôi chín bằng hơi, mềm, dẻo nhưng không dính tay. Xôi được đựng vào ép khẩu hoặc giỏ cơm đậy kín, ủ ấm, giữ cho cơm dẻo lâu. Cơm lam là đặc sản của dân tộc Thái thường được sử dụng vào dịp lễ, tết hay

đãi khách. Mùa nào thức nấy người Thái luôn tự túc và dựa vào tự nhiên như món măng đắng, măng ngọt; rau cải ngồng, rau dớn... chấm với gia vị *chéo*, đậm đà vị cay của ớt, riềng, mặn của muối rang, hương thơm của rau. Họ ưu thức ăn có các vị cay, đắng, chát, bùi ít dùng các món ngọt lợ, đậm nồng..

Người Thái rất thích uống rượu. Đối với họ uống rựu là phong tục cho nên họ tự chế biến lấy để tiêu thụ. Rượu của người Thái có ba loại chính: Lảu xiêu (cất hay trắng), Lảu xả (Rượu cần), Lảu vang (rượu nếp cái). Người Thái xem rượu là cái cớ để cởi mở niềm vui, sự hân hoan mang tính văn hóa lành mạnh, không bê tha. Với người Thái, rượu cần là thức men thú vị mỗi khi có đình đám. Sinh hoạt ẩm thực của người Thái có cung cách giờ giấc nhất định. "*Kín lảu mi ngan, đa pan mi pựa"*, tức là ăn có bữa, rượu có giờ.

Người Thái hút thuốc lào bằng ống điếu tre, nứa và châm lử bằng mảnh đóm tre ngâm, khô nỏ.

4. Kiến trúc nhà ở

Điểm khác biệt nhất của nhà cửa người Thái so với người Việt và Hán là họ xây nhà sàn. Nhà người Thái trắng có khá nhiều điểm gần với nhà Tày-Nùng. Còn nhà người Thái Đen lại gần với kiểu nhà của các cư dân Môn-Khmer. Tuy vậy, nhà người Thái Đen lại có những đặc trưng không có ở nhà của cư dân Môn-Khme. nhà người Thái có nhiều dáng vẻ khác nhau, nhà mái tròn nóc khum hình mai rùa, “chỏm đầu đốc” có “khau cút” với nhiều kiểu khác nhau. Nhà bốn mái mặt bằng sàn hình chữ nhật gần vuông, hiên có lan can, nhà sàn dài, cao, mỗi gian hồi làm tiền sảnh. Hai gian hồi để trống và có lan can bao quanh. Khung cửa ra vào và cửa sổ có nhiều hình thức trang trí khác nhau. Vách tường thường được đan bằng tre, nứa tạo thành các phên và ván gỗ làm tường nhà, nền sàn cũng được dùng từ cây tre, mét. Mái nhà được lợp bằng lá tranh, lá cọ. nhưng ngày nay thường chuyển sang lợp ngói.

Bộ khung nhà Thái có hai kiểu cơ bản là *khứ kháng* và *khay điêng*. khứ kháng được mở rộng bằng cách thêm hai cột nữa so với khay điêng.

Cách bố trí trên mặt bằng sinh hoạt của nhà Thái Đen khá độc đáo: các gian đều có tên riêng. Trên mặt sàn được chia thành hai phần: một phần dành làm nơi ngủ của các thành viên trong gia đình, một nửa dành cho bếp và còn là nơi để tiếp khách nam.

Mừng nhà mới: dẫn chủ nhân lên nhận nhà *Lung tá* (thông gia) châm lửa đốt củi ở bếp mới. Một nhà người Thái xưa thường có 2 bếp, một bếp để tiếp khách, sưởi ấm. một bếp khác dùng để nấu ăn, người ta thực hiện tại nghi lễ, cúng đọc bài mo xua đuổi tà ác, thu điều lành, cúng tổ tiên, vui chơi uống rượu cần.

5. **Văn hóa**

❖ Văn học gian gian: Thần thoại, cổ tích, truyền thuyết, truyện thơ, ca dao... là những vốn quý báu của văn học cổ truyền người Thái. Những tác phẩm thơ ca nổi tiếng của dân tộc Thái là: *Xống chụ xon xao*, *Khun Lú Nàng Ủa*. Người Thái sớm có chữ viết nên nhiều vốn cổ (văn học, luật lệ, dân ca) được ghi chép lại trên giấy bản và lá cây.

❖ Âm nhạc: Với nhiều loại hình nhạc cụ như: Khèn, Sáo, Cồng Chiêng và Khắc Luông. Múa (xẽ, xoè) với hai cấp độ là: Múa tập thể dân dã và múa biểu diễn hay múa phong cách. Người Thái rất thích ca hát, đặc biệt là *khăp tay*. "Khắp" là lối ngâm thơ hoặc hát theo lời thơ, có thể đệm đàn và múa. Nhiều điệu múa như lăm vông đặc sắc nhưng đơn giản ai cũng có thể hòa vào điệu múa này, loại hình múa xòe, múa sạp đã được trình diễn trên sân khấu trong và ngoài nước, hấp dẫn đông đảo khán giả. Hạn khuống, ném còn là hai đặc trưng văn hóa nổi tiếng của người Thái. Ngoài ra còn có điệu suối, nhuôn (lối hát đối